

Số: 73/2023/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 21 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 107/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lương Thị T, sinh năm 1998. Địa chỉ; Bản Sài Lương 1, xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Anh Tòng Văn B, sinh năm 1994. Địa chỉ; Bản Sài Lương 1, xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Tòng Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2016 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 07/04/2016.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách của anh chị hoàn toàn trái ngược nhau, thường xuyên cãi cọ làm tổn thương tình cảm của nhau. Mặc dù anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không thành, sau đó anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay trong thời gian ly thân anh chị không quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung nên thống nhất

thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, chị T, anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị T và anh B.

[2] Về con chung: Chị T, anh B có 02 con chung; Thống nhất thỏa thuận; Sau khi ly hôn chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Tông Thị Anh Thư, sinh ngày 27/10/2015 cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Tông Duy Mạnh, sinh ngày 23/12/2013 cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh B, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, phù hợp với điều kiện của hai bên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị T tự nguyện nhận chịu nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Tông Văn B nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T, anh B có 02 con chung; Thống nhất thỏa thuận; Sau khi ly hôn chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Tông Thị Anh Thư, sinh ngày 27/10/2015 cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Tông Duy Mạnh, sinh ngày 23/12/2013 cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh B, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, chị T, anh B được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản chị T, anh B thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.
- Về các vấn đề khác không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lương Thị T nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0002369 ngày 01 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nông Văn Thịnh

